

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HOÀNG VĂN THÁI

**KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY
HỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆT NAM CHI NHÁNH KRÔNG NĂNG, BUÔN HỒ**

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng
Mã số: 60.34.02.01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Đà Nẵng – Năm 2016

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. NGUYỄN HÒA NHÂN

Phản biện 1: TS. HỒ HỮU TIẾN

Phản biện 2: TS. LÊ ĐỨC NIÊM

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng họp tại Đắc Lắc vào ngày 3 tháng 10 năm 2016

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế nước ta hiện nay, nền kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp (HSX NN) chiếm vị trí vô cùng quan trọng, để mở rộng quy mô và đổi mới trang thiết bị cũng như tham gia vào các quan hệ kinh tế khác, thì HSX NN đều cần vốn và tín dụng Ngân hàng chính là nguồn cung cấp vốn đáp ứng nhu cầu đó.

Với chủ trương công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới thì nhu cầu vay vốn của HSX NN ngày càng lớn, đi kèm đó hoạt động kinh doanh ngân hàng trong lĩnh vực cho vay HSX NN sẽ có nhiều rủi ro. Bởi vậy mở rộng tín dụng phải đi kèm với việc nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng.

Nhận thức được vấn đề trên, với mong muốn góp phần kiểm soát rủi ro tín dụng (RRTD) trong cho vay HSX NN tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh Krông Năng - Buôn Hồ (trong bài viết xin được gọi ngắn gọn là Agribank Krông Năng) nên tôi chọn đề tài “Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất nông nghiệp tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh Krông Năng - Buôn Hồ” làm đề tài nghiên cứu.

2. Mục tiêu nghiên cứu

– Hệ thống hoá các vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát RRTD trong cho vay của ngân hàng thương mại.

– Phân tích thực trạng kiểm soát trong cho vay HSX NN tại Agribank Krông Năng giai đoạn 2013-2015.

– Đề xuất giải pháp nhằm kiểm soát RRTD trong cho vay HSX NN tại Agribank Krông Năng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

– Toàn bộ những vấn đề lý luận liên quan đến công tác kiểm soát RRTD của NHTM và thực tiễn công tác kiểm soát RRTD trong cho vay HSX NN tại Agribank Krông Năng.

– Phạm vi nghiên cứu:

+ Về nội dung: Chỉ kiểm soát không bao hàm toàn bộ các nội dung quản trị rủi ro.

+ Về không gian: Đề tài chủ yếu tập trung nghiên cứu kiểm soát RRTD trong cho vay đối với HSX NN trên địa bàn huyện Krông Năng - tỉnh Đắk Lắk.

+ Về thời gian: Đề tài nghiên cứu kiểm soát RRTD trong cho vay HSX NN tại Agribank Krông Năng trong 3 năm từ 2013 đến hết năm 2015.

4. Phương pháp nghiên cứu

Từ nền tảng cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động kiểm soát rủi ro trong cho vay HSX NN, luận văn sẽ sử dụng các phương pháp lịch sử, tổng hợp, thống kê mô tả, quy nạp, diễn dịch, phân tích so sánh, đối chiếu kết hợp giữa lý luận và thực tiễn kinh doanh của ngân hàng nhằm phục vụ cho nghiên cứu đề tài để đưa ra nhận xét, đánh giá các vấn đề liên quan đến nội dung của luận văn.

Thu thập các dữ liệu thứ cấp tài liệu nội bộ, báo cáo tổng kết công tác tín dụng của các NHTM, cơ quan liên quan, các tạp chí, kết luận của các hội thảo chuyên đề, các trang thông tin điện tử ...

Trên cơ sở các dữ liệu thu thập được, xử lý và phân tích dữ liệu, tìm ra những nguyên nhân, các nhân tố ảnh hưởng, kết luận và đề ra giải pháp.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Đề tài làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về tín dụng ngân

hàng, RRTD trong cho vay của Ngân hàng.

Đánh giá thực trạng công tác kiểm soát RRTD trong cho vay HSX NN tại Agribank Krông Năng

Đề xuất những biện pháp nhằm hoàn thiện kiểm soát RRTD trong cho vay HSX NN tại Agribank Krông Năng.

6. Bộ cục luận văn

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay HSX NN của NHTM

Chương 2: Thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất nông nghiệp tại Agribank Krông Năng

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất nông nghiệp tại Agribank Krông Năng

7. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG
TRONG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. KHÁI QUÁT VỀ CHO VAY HỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA NHTM

1.1.1. Khái quát về cho vay của NHTM

a. Khái niệm cho vay

b. Phân loại cho vay của NHTM

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của cho vay hộ sản xuất nông nghiệp

a. Khái niệm HSX NN

Hộ sản xuất được xác định là một đơn vị kinh tế tự chủ, được Nhà nước giao đất quản lý và sử dụng trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp do Nhà nước quy định.”

b. Đặc điểm HSX NN

HSX NN hoạt động trong nhiều ngành nghề trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Bên cạnh đó các hộ này còn tiến hành sản xuất kinh doanh ngành nghề phụ. Đặc điểm sản xuất kinh doanh nhiều ngành nghề mới góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các HSX ở nước ta trong thời gian qua.

c. Đặc điểm của cho vay HSX NN

- Đối tượng đi vay là tầng lớp nông dân.
- Tính thời vụ gắn liền với chu kỳ sinh trưởng của động thực vật:
- Môi trường tự nhiên có ảnh hưởng đến thu nhập và khả năng trả nợ của khách hàng.
- Chi phí tổ chức cho vay cao.

1.2. RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA NHTM

1.2.1. Khái niệm RRTD trong cho vay của NHTM

RRTD trong cho vay HSX NN là khả năng xảy ra những thiệt hại, mất mát và tổn thất về tài chính mà ngân hàng gánh chịu do khách hàng HSX NN không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng tín dụng, với biểu hiện cụ thể là khách hàng chậm trả nợ, trả nợ không đầy đủ hoặc không trả nợ khi đến hạn các khoản gốc và lãi.

1.2.2. Phân loại RRTD

a. Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro

b. Căn cứ vào tính chất của RRTD

c. Căn cứ vào tính chất chủ quan và khách quan

1.2.3. Đặc điểm RRTD trong cho vay hộ sản xuất nông nghiệp

- RRTD trong cho vay mang tính gián tiếp.
- RRTD trong cho vay có tính chất đa dạng và phức tạp.
- RRTD trong cho vay có tính tất yếu.
- RRTD trong cho vay HSX NN rất khó giám sát.

1.2.4. Nguyên nhân và tác hại của RRTD trong cho vay hộ sản xuất nông nghiệp

a. Nguyên nhân RRTD trong cho vay

- Các nguyên nhân từ phía khách hàng.
- Các nguyên nhân từ phía ngân hàng.
- Các nguyên nhân khác.

b. Tác hại RRTD trong cho vay

- Đối với ngân hàng bị rủi ro.
- Đối với hệ thống ngân hàng và nền kinh tế.

1.2.5. Quản trị RRTD trong cho vay hộ sản xuất nông nghiệp của NHTM

a. Khái niệm quản trị RRTD trong cho vay HSX NN của NHTM

Quản trị RRTD trong cho vay HSX NN là quá trình ngân hàng tiếp cận RRTD trong cho vay HSX NN một cách khoa học, toàn diện qua việc nhận dạng, đo lường, kiểm soát và tài trợ RRTD bằng nhiều công cụ, phương pháp nhằm hạn chế thiệt hại tổn thất do RRTD gây ra.

b. Nội dung quản trị RRTD trong cho vay HSX NN của NHTM

Quản trị RRTD trong cho vay HSX NN gồm bốn nội dung:

- Nhận diện RRTD.
- Đo lường RRTD.
- Kiểm soát RRTD.
- Tài trợ RRTD.

1.3. KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA NHTM

1.3.1. Khái niệm kiểm soát RRTD trong cho vay

Kiểm soát RRTD trong ngân hàng: là việc sử dụng các biện pháp, kỹ thuật, công cụ, chiến lược và những quá trình nhằm ngăn ngừa, né tránh, phân tán, giảm thiểu, trung hòa, chuyển giao, tự tài trợ nhằm giảm thiểu tần suất xuất hiện và mức độ thiệt hại do RRTD gây ra.

1.3.2. Mục tiêu của kiểm soát RRTD trong cho vay hộ sản xuất nông nghiệp

Kiểm soát được mức độ thiệt hại của RRTD trong giới hạn đề ra.

Đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả, phát triển bền vững trong điều kiện thị trường đầy biến động, nguy cơ rủi ro ngày một gia tăng.

Thực hiện đúng các quy định của nhà nước và của pháp luật hiện hành.

1.3.3. Nội dung của kiểm soát RRTD trong cho vay hộ sản xuất nông nghiệp

Xét theo phương thức kiểm soát RRTD, nội dung kiểm soát RRTD được chia thành 5 phương thức như sau:

a. Né tránh rủi ro

b. Ngăn ngừa rủi ro

c. Giảm thiểu tổn thất do rủi ro cho vay gây ra

d. Trung hoà RRTD

e. Chuyển giao rủi ro

1.3.4. Các tiêu chí phản ánh kết quả quản trị RRTD trong cho vay hộ sản xuất

a. Biến đổi kết cấu các nhóm nợ

Thông qua chỉ tiêu này, chúng ta có thể có cái nhìn tổng quát về tỷ trọng của mỗi nhóm nợ cho vay HSX NN biến động như thế nào qua từng năm, từ đó có thể đánh giá được những kết quả của hoạt động kiểm soát RRTD trong cho vay HSX NN của NHTM.

b. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu

Tỷ lệ nợ xấu trong cho vay HSX NN trên tổng dư nợ HSX NN càng cao thì chất lượng tín dụng trong cho vay HSX NN càng kém và ngược lại. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu kỳ này so với kỳ trước cho thấy hiệu quả công tác quản lý nợ xấu.

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Dư nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

c. Mức giảm tỷ lệ dự phòng xử lý rủi ro cụ thể

Trong đó, tỷ lệ DPRR đã trích lập được tính theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ DPRR cụ thể đã trích lập} = \frac{\text{DPRR cụ thể đã trích lập}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

NHTM thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 qui định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN để đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng của ngân hàng.

d. Mức giảm tỷ lệ nợ xóa ròng

Nợ xóa là khoản nợ được xếp vào nợ xấu trong một thời gian theo quy định và khách hàng không còn khả năng chi trả nên ngân hàng phải xóa nợ bằng cách sử dụng nguồn DPRR đã trích để thực hiện xóa nợ. Tỷ lệ xóa nợ ròng càng cao cho thấy công tác kiểm soát rủi ro của ngân hàng càng hạn chế.

$$\text{Xóa nợ ròng} = \text{Dư nợ xóa} - \text{Số tiền đã thu hồi}$$

$$\text{Tỷ lệ xóa nợ ròng trong kỳ} = \frac{\text{Nợ xóa ròng trong kỳ}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

Từ việc tính toán các chỉ tiêu cụ thể nói trên, so sánh với mức kế hoạch đề ra để đánh giá kết quả kiểm soát RRTD trong cho vay HSX NN.

1.3.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kiểm soát RRTD trong cho vay hộ sản xuất nông nghiệp của NHTM

a. Nhóm nhân tố bên trong ngân hàng

- Chính sách tín dụng nói chung và chính sách cho vay HSX NN nói riêng.
- Quy mô cho vay HSX NN.
- Năng lực quản trị điều hành.
- Nguồn thông tin tín dụng đối với khách hàng vay là HSX NN

Các nhân tố về con người.

Nhân tố hạ tầng, công nghệ.

b. Nhóm nhân tố từ bên ngoài ngân hàng

– Nhân tố liên quan đến khách hàng là HSX NN.

+ KH sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trong việc trả nợ.

+ Trình độ quản lý dòng tiền, kiến thức về sản xuất, kinh doanh của HSX NN còn thiếu.

– Môi trường kinh tế.

– Môi trường pháp lý.

– Môi trường thông tin.

– Chính sách của nhà nước.

– Sự cạnh tranh của các ngân hàng.

Kết luận Chương 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẠI AGRIBANK KRÔNG NĂNG

2.1. GIỚI THIỆU VỀ AGRIBANK KRÔNG NĂNG

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

2.1.2. Nhiệm vụ và chức năng của Agribank Krông Năng

2.1.3. Hệ thống tổ chức của Agribank Krông Năng

a. Sơ đồ cơ cấu tổ chức

b. Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban

2.1.4. Một số kết quả hoạt động chủ yếu của Agribank Krông Năng giai đoạn 2013-2015.

a. Hoạt động huy động vốn

b. Hoạt động cho vay

c. Hoạt động dịch vụ

d. Kết quả hoạt động kinh doanh

2.2. THỰC TRẠNG CÁC BIỆN PHÁP NGÂN HÀNG AGRIBANK KRÔNG NĂNG ĐÃ TIẾN HÀNH ĐỂ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

2.2.1. Đặc điểm khách hàng hộ sản xuất nông nghiệp vay vốn của Chi nhánh Agribank Krông Năng

a. Số lượng HSX NN vay vốn tại Chi nhánh

Qua quá trình hoạt động và phát triển, bằng tất cả nỗ lực, phấn đấu của tập thể cán bộ nhân viên trong Chi nhánh, số lượng khách hàng tăng đều qua các năm, đặc biệt là đối với khách hàng HSX NN, cụ thể như sau:

Bảng 2.6. Số lượng khách hàng HSX NN

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
I. Số hộ SX NN	2145	2358	2470
II. Tăng trưởng so với năm trước		213	112

(Nguồn: Phòng kinh doanh Agribank Krông Năng)

Dựa vào Bảng 2.6 có thể thấy với đặc điểm vị trí địa lý và điều kiện kinh tế của Krông Năng nên tỷ trọng cho vay HSX NN rất cao, Agribank Krông Năng xác định khách hàng HSX NN là mục tiêu quan trọng nhất đối với Chi nhánh. Bởi vì vậy Chi nhánh tạo mọi điều kiện cho việc phát triển khách hàng, đẩy mạnh tăng trưởng dư nợ tín dụng cùng với sự nỗ lực của cán bộ nhân viên Chi nhánh trong việc tìm kiếm các khách hàng HSX NN mới.

b. Tình hình cho vay HSX NN

Bảng 2.7. Tình hình tổng dư nợ HSX NN tại Agribank Krông Năng giai đoạn 2013-2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

Dư nợ cho vay hộ sản xuất	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tổng dư nợ	310.241	100.00%	377.047	100.00%	410.327	100.00%
Dư nợ cho vay HSX	264.760	85.34%	333.385	88.42%	374.834	91.35%
+ Ngắn hạn	193.936	73.25%	251.639	75.48%	294.507	78.57%
+ Trung, dài hạn	70.823	26.75%	81.746	24.52%	80.327	21.43%

(Nguồn: Phòng kinh doanh Agribank Krông Năng)

Trong giai đoạn này Chi nhánh thực hiện chủ trương tăng trưởng tín dụng thận trọng hơn theo hướng chỉ đạo của Agribank cấp trên cũng như căn cứ tình hình kinh tế của đất nước, của tỉnh ĐakLak và thực tế của kinh tế xã hội tại địa phương, Chi nhánh đã áp dụng các biện pháp nhằm hạn chế sự tăng trưởng nóng trong hoạt động tín dụng nói chung cũng như cho vay HSX NN nói riêng. Do vậy, dư nợ cho vay HSX NN của Chi nhánh chỉ tăng ở mức độ vừa phải.

2.2.2. Thực trạng các biện pháp nhằm kiểm soát RRTD trong cho vay hộ sản xuất nông nghiệp tại Agribank Krông Năng

a. Các giải pháp né tránh RRTD

– Lựa chọn khách hàng cho vay trên cơ sở xếp hạng tín dụng nội bộ:

Bảng 2.8. Các mức xếp loại tín dụng nội bộ tại Agribank Krông Năng

STT	Hạng	Phân loại rủi ro	Chính sách tín dụng
1	AAA	Rủi ro rất thấp	Mở rộng tín dụng
	AA	Rủi ro rất thấp	
	A	Rủi ro rất thấp	
2	BBB	Rủi ro thấp	Duy trì tín dụng
	BB	Rủi ro thấp	
	B	Rủi ro thấp	
3	CCC	Rủi ro trung bình	Hạn chế tín dụng
	CC	Rủi ro trung bình	
4	C	Rủi ro cao	Chấm dứt tín dụng
	D	Rủi ro rất cao	

(Nguồn: Phòng kinh doanh Agribank Krông Năng)

b. Ngăn ngừa rủi ro

c. Giảm thiểu tổn thất do rủi ro gây ra

d. Chuyển giao RRTD trong cho vay hộ sản xuất

e. Thiết lập nguồn tài chính bên trong để bù đắp thiệt hại do

RRTD

2.2.3. Đánh giá quả kiểm soát RRTD trong cho vay hộ sản xuất nông nghiệp tại Agribank Krông Năng

a. Cơ cấu nhóm nợ diễn biến theo hướng tích cực

Thực hiện theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN, những năm qua, Chi nhánh đã thực hiện việc phân loại nợ của HSX NN, cụ thể như sau:

Bảng 2.9. Cơ cấu nhóm nợ cho vay HSX NN tại Agribank Krông Năng giai đoạn 2013-2015

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu \ Năm	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1. Dư nợ	264,740	100%	333,385	100%	374,834	100%
Nợ nhóm 1	244,329	92,29%	310,515	93,14%	354,331	94,53%
Nợ nhóm 2	16,334	6,17%	19,136	5,74%	17,317	4,62%
Nợ nhóm 3	1,959	0,74%	1,5	0,45%	937	0,25%
Nợ nhóm 4	1,191	0,45%	1,434	0,43%	1,424	0,38%
Nợ nhóm 5	927	0,35%	800	0,24%	825	0,22%
2.Nợ xấu	4,077	1,54%	3,734	1,12%	3,186	0,85%

(Nguồn: Phòng kinh doanh Agribank huyện Krông Năng)

Mặc dù nợ nhóm 1 chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ cho vay HSX NN, tuy nhiên so với địa bàn và môi trường hoạt động của

Chi nhánh, tỷ lệ nợ xấu nằm trong tầm kiểm soát nhưng vẫn còn khá cao. Để nâng cao năng lực cạnh tranh của mình, đồng thời tránh những rủi ro trong thời gian tới Chi nhánh cần phải giảm hơn nữa tỷ lệ nợ xấu. Đây thực sự là một thách thức đối với công tác kiểm soát RRTD trong cho vay HSX NN tại Chi nhánh và yêu cầu nâng cao chất lượng tín dụng HSX NN là một đòi hỏi cấp bách, thiết thực.

b. Tỷ lệ nợ xấu có xu hướng giảm

**Bảng 2.10. Tình hình nợ xấu cho vay HSX NN tại Agribank
Krông Năng năm 2013-2015**

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu \ Năm	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Số tiền	TT(%)	Số tiền	TT(%)	Số tiền	TT(%)
Nợ xấu CV HSX NN	4,077	100%	3,734	100%	3,186	100%
Nợ nhóm 3	1,959	48.05%	1500	40.17%	937	29.41%
Nợ nhóm 4	1,191	29.21%	1,434	38.40%	1,424	44.70%
Nợ nhóm 5	927	22.737%	800	21.42%	825	25.89%
Tỉ lệ nợ xấu (HSX)	1.54%		1.12%		0.85%	

(Nguồn: Phòng kinh doanh Agribank huyện Krông Năng)

Qua bảng 2.10, nhìn chung ta thấy tỉ lệ nợ xấu của Chi nhánh được duy trì ở mức rất tốt, và cũng thấp hơn so với tỉ lệ nợ xấu trung bình của toàn hệ thống NHNo&PTNT Việt Nam. Qua đây có thể thấy, bên cạnh việc tăng trưởng tích cực của dư nợ HSX NN, tỉ lệ nợ xấu đã được duy trì ở mức thấp là một điều đáng mừng, tuy nhiên tỉ lệ này còn chưa ổn định nên Agribank Krông Năng cần chú trọng vào công tác xử lý nợ xấu và nâng cao chất cho vay.

c. Tỷ lệ dự phòng xử lý rủi ro cụ thể giảm

Bảng 2.11. Tỷ lệ trích lập DPRR cụ thể trong cho vay HSX NN

ĐVT: Triệu đồng, %

Chi tiêu \ Năm	2013	2014		2015	
	Số liệu	Số liệu	Tăng giảm so với 2013	Số liệu	Tăng giảm so với 2014
DPRR cụ thể	566	633		675	
Tổng dư nợ	264.760	333.385		374.834	
Tỷ lệ DPRRCT (%)	0.21	0.19	-0.02	0.18	-0.01

(Nguồn: Phòng kinh doanh Agribank huyện Krông Năng)

Với việc phải trích lập DPRR, Chi nhánh đã có thể nhận thấy một cách rõ ràng nhất những ảnh hưởng trực tiếp của việc không thu hồi được nợ, đồng thời với sự thay đổi theo chiều hướng xấu của nền kinh tế nói chung và thị trường bất động sản nói riêng đã làm bộc lộ những nhược điểm trong cho vay phụ thuộc quá nhiều vào TSBĐ. Đây cũng là một bài học để các NHTM cũng như Chi nhánh rút kinh nghiệm, thay đổi tư duy cho vay khách hàng phải dựa trên việc đánh giá hiệu quả hoạt động của phương án kinh doanh.

d. Tỷ lệ nợ xoá ròng

Từ ngày thành lập đến nay, hoạt động tín dụng của Chi nhánh chưa thực hiện xoá nợ cho khoản vay nào của HSX NN.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RRTD TRONG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẠI AGRIBANK KRÔNG NĂNG

2.3.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, tỷ lệ nợ xấu và nợ nhóm 2 được giữ ở mức cho phép, giảm dần qua các năm.

Thứ hai, thu nợ và xử lý nợ đã được chú trọng và có nhiều biện pháp xử lý.

Thứ ba, mức trích quỹ DPRR trên tổng dư nợ được trích đúng, trích đủ và giảm dần hằng năm do Chi nhánh đã chọn lọc khách hàng đối với khoản vay mới và áp dụng theo quy định về trích lập DPRR của Ngân hàng nhà nước.

Thứ tư, tổ chức bộ phận tín dụng của Chi nhánh khá chặt chẽ, đang từng bước tuân theo nguyên tắc quản trị rủi ro, thực hiện việc phân cấp quyền phán quyết rõ ràng; định kỳ có kiểm tra giám sát, thực hiện bảo đảm tiền vay ngăn ngừa được rủi ro.

Nhìn chung, Chi nhánh đã áp dụng linh hoạt các biện pháp kiểm soát RRTD.

2.3.2. Những mặt hạn chế

Thứ nhất, công tác thu thập thông tin khách hàng, sàng lọc, xếp hạng nội bộ cho đối tượng cho vay HSX NN còn chưa đạt hiệu quả cao. CBTD tại chi nhánh thiếu nhiều thông tin nhất là thông tin về thị trường, về lịch sử khách hàng, về quan hệ tín dụng của khách hàng cũng như của khách hàng liên quan... làm ảnh hưởng nhiều đến công tác thẩm định và ra quyết định cho vay.

Thứ hai, kết quả thẩm định tín dụng chưa phản ánh đúng tình hình khách hàng để có quyết định tín dụng đúng đắn. Bên cạnh đó đối với các khoản vay lại, vay mới của khách hàng cũ tại Chi nhánh

thì CBTD không thực hiện việc tái thẩm định đối với khách hàng mà lấy thông tin từ những năm trước đó có sẵn tại hồ sơ tín dụng, điều này gây rủi ro rất lớn cho các khoản vay khi không nắm bắt được tình hình tài chính, TSĐB thực tế của khách hàng.

Thứ ba, việc định giá tài sản còn sơ sài.

Thứ tư, công tác kiểm soát vốn vay sau giải ngân còn nhiều hạn chế.

Thứ năm, chưa phát hiện kịp thời các sai phạm về nghiệp vụ tín dụng, về đạo đức nghề nghiệp cũng như những rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động của Chi nhánh

Thứ sáu, chưa có quy định rõ ràng về các hình thức kỷ luật đối với các trường hợp sai phạm của CBTD gây ra hậu quả xấu cho Chi nhánh.

Thứ sáu, đa dạng hoá danh mục trong cho vay HSX NN tại Chi nhánh chưa hiệu quả.

...

2.3.3. Nguyên nhân tồn tại của công tác kiểm soát RRTD trong cho vay hộ sản xuất nông nghiệp tại Agribank Krông Năng

a. Nguyên nhân bên trong

b. Nguyên nhân bên ngoài

Kết luận Chương 2

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT TẠI AGRIBANK KRÔNG NĂNG

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG TẠI AGRIBANK KRÔNG NĂNG TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1.1. Định hướng chung

– Agribank Krông Năng xác định tiếp tục giữ vững vị thế, phát huy vai trò quan trọng của Ngân hàng Thương mại hàng đầu Việt Nam, khẳng định vai trò chủ đạo trong phát triển kinh tế- xã hội khu vực nông nghiệp, nông thôn tại khu vực này.

– Triển khai quyết liệt đề án cơ cấu lại hoạt động. Đổi mới cơ chế về quản lý, điều hành kế hoạch kinh doanh.

– Tập trung nâng cao chất lượng tín dụng, phân tích, đánh giá đúng thực trạng nợ xấu và quyết liệt triển khai các biện pháp xử lý và thu hồi, giảm nợ xấu.

– Xây dựng quy trình quản lý hiện đại trên các mặt nghiệp vụ, chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, rà soát và chỉnh sửa quy trình giao dịch một cửa và hậu kiểm.

– Nâng cao chất lượng dịch vụ ở tất cả mạng lưới hoạt động trên địa bàn Huyện Krông Năng, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng khi đến giao dịch với ngân hàng. Phát triển đa dạng các dịch vụ của ngân hàng hiện đại.

3.1.2. Định hướng hoàn thiện kiểm soát RRTD trong cho vay hộ sản xuất nông nghiệp của Agribank Krông Năng

– Tăng trưởng tín dụng ở mức độ vừa phải. Tiếp tục kiểm soát

chặt chẽ chất lượng tín dụng, đặt mục tiêu an toàn tín dụng là trên hết. Gắn công tác tín dụng với nhiệm vụ trọng tâm là huy động vốn và phát triển dịch vụ.

– Không cho vay liên Chi nhánh, ngoài địa bàn.

– Tập trung thu lãi đọng, lãi trên 365 ngày, thu nợ các khoản nợ đã xử lý RRTD đang hạch toán ngoại bảng để tăng thêm nguồn lợi nhuận.

– Thực hiện đánh giá, phân loại nợ một cách chính xác, khách quan phản ánh đúng chất lượng tín dụng tại Chi nhánh, hạn chế các khoản nợ xấu phát sinh, tỷ lệ nợ xấu dưới 1% trên tổng dư nợ HSX NN.

– Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra kiểm soát nhằm hoàn thiện quản trị tín dụng, hạn chế rủi ro trong cho vay HSX NN.

– Phấn đấu tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tín dụng theo tiêu chuẩn quy định, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao năng lực quản lý rủi ro, năng lực phân tích thị trường.

– Xây dựng và thực hiện tốt chính sách khách hàng HSX NN, giữ vững khách hàng hiện có, khôi phục quan hệ với khách hàng cũ, thu hút khách hàng mới đồng thời tăng cường sự hợp tác với khách hàng HSX NN có hiệu quả hơn.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẠI AGRIBANK KRÔNG NĂNG

3.2.1. Tổ chức và khai thác tốt nguồn thông tin tín dụng

3.2.2. Thực hiện nguyên tắc phân tán rủi ro trong cho vay

3.2.3. Nâng cao hiệu quả giám sát sau vay vốn nhằm phát hiện và xử lý nợ có vấn đề kịp thời

3.2.4. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ

3.2.5. Nâng cao chất lượng thẩm định trong cho vay

3.2.6. Kết hợp giữa tín dụng trong cho vay hộ sản xuất nông nghiệp gắn với bảo hiểm tín dụng

3.2.7. Thiết lập mối quan hệ tốt và bền lâu đối với khách hàng hộ sản xuất nông nghiệp

3.2.8. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng trình độ, năng lực, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nhân viên Agribank Krông Năng

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị đối với Chính phủ, cơ quan chính quyền các cấp

- Hoàn thiện hệ thống chính sách hiện hành, đặc biệt là chú trọng ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn

- Sự thay đổi các chính sách của Nhà nước cần được công bố rõ ràng và có thời gian cần thiết để chuyển đổi

- Tòa án, Thi hành án cần tiến hành xử lý các vụ kiện đòi nợ và thi hành án được nhanh chóng, tránh để tồn đọng các vụ kiện để ngân hàng thu hồi các khoản nợ gốc và lãi

- Sửa đổi chính sách bảo đảm quyền chủ động của các TCTD khi xử lý tài sản đảm bảo, cơ chế chính sách bảo vệ quyền lợi của người cho vay theo nguyên tắc thông thường thì khi người vay không hoàn được nợ, TCTD cho vay được quyền bán TSBD, thế chấp để thanh lý các khoản nợ đó không phải thông bất kỳ cơ quan nào, ngoại trừ hợp đồng tín dụng có tranh chấp.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo ra môi trường pháp lý lành mạnh để khuyến khích sản xuất kinh doanh của HSX NN và doanh nghiệp, đồng thời bảo vệ lợi ích chính đáng của các NHTM.

3.3.2. Kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước

– Tiếp tục hoàn thiện quy chế cho vay, đảm bảo tiền vay trên cơ sở bảo đảm an toàn cho hoạt động tín dụng, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các NHTM, quy định chặt chẽ về trách nhiệm của các NHTM về việc tuân thủ quy chế cho vay và bảo đảm tiền vay, hạn chế bớt các thủ tục pháp lý phức tạp, gây khó khăn cho các NHTM.

– Thực tế hiện nay thông tin do trung tâm thông tin tín dụng của NHNN (CIC) cung cấp thời gian qua vẫn còn khá sơ sài so với nhu cầu thông tin nhằm nâng cao trách nhiệm tín dụng của các NHTM chưa kể các thông tin này còn thiếu tính kịp thời và đa dạng

– Tăng cường hơn nữa công tác thanh tra, giám sát đối với các NHTM trên địa bàn, xử lý các trường hợp các NHTM không thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng, các báo cáo tài chính.

– Tăng cường các công tác chống sự cạnh tranh kém lành mạnh cùng với các cơ chế thoáng, cho phép các NHTM mở rộng tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm với các hoạt động kinh doanh như hiện nay, các NHTM đã có rất nhiều chính sách sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của mình.

– NHNN và các cơ quan chức năng có thẩm quyền liên quan cần đưa ra tiêu chuẩn nghề nghiệp về hoạt động kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ tại các NHTM (với chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp tương ứng). Người thực hiện công tác kiểm soát nội bộ cần được đào tạo và cấp chứng chỉ hành nghề để đảm bảo yêu cầu về trình độ và năng lực

– Tăng cường hỗ trợ đối với các NHTM

– Các vướng mắc trong thực hiện xử lý tài sản. Khi xử lý nợ là vấn đề đã được đề cập đến rất nhiều lần nhưng vẫn chưa được giải

quyết dứt điểm. Đề nghị NHNN làm việc với các cơ quan có thẩm quyền quan tâm đúng mức hơn tới các bức xúc của ngành ngân hàng.

3.3.3. Kiến nghị đối với Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Việt Nam

– Về quản trị điều hành: Tăng cường kỷ cương, tập trung chỉ đạo điều hành đảm bảo tính nhất quán tập trung thống nhất cao nhất, phân công nhiệm vụ rõ ràng, phát huy tính tiên phong gương mẫu của người lãnh đạo đứng đầu. Vai trò tham mẫu của các phòng nghiệp vụ, thể hiện từ khâu xây dựng chỉ tiêu kế hoạch, quá trình tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

– Cần triển khai và hướng dẫn một cách cụ thể các văn bản quyết định của NHNN về hoạt động Ngân hàng cho các Chi nhánh Ngân hàng trực thuộc, đảm bảo tính chính xác, kịp thời và đồng bộ trong toàn hệ thống.

– Agribank Việt Nam cần có biện pháp kịp thời nắm tình hình, phản ánh những vướng mắc trong quá trình thực thi Luật ngân hàng và các luật liên quan, đồng thời kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi bổ sung, nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật về ngân hàng và các luật có liên quan.

– Theo dõi tình hình hoạt động quản trị rủi ro tín dụng cụ thể từng Chi nhánh để kịp thời nắm bắt tình hình, những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động quản trị rủi ro tín dụng nói chung và kiểm soát rủi ro tín dụng của các tổ chức tín dụng; từ đó tổng hợp, phản ánh với cơ quan Nhà nước thẩm quyền để xem xét, tháo gỡ.

– Có thể xây dựng các kế hoạch, nội dung đào tạo, bồi dưỡng, khảo sát về vấn đề kiểm soát RRTD trong hoạt động ngân hàng từ các chương trình tài trợ của nước ngoài, nhằm cập nhật kiến thức, kỹ

năng nghiệp vụ ngân hàng và quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh ngân hàng.

– Cần xây dựng mô hình tổ chức các bộ phận tách bạch riêng biệt các chức năng của CBTD, thẩm định và quản lý RRTD, tăng thêm bộ phận quan hệ khách hàng trong hoạt động cho vay. Đồng thời, cần phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của các bộ phận đó để đảm bảo tính hiệu quả trong đánh giá chất lượng công việc, giám sát lẫn nhau giúp cho các quyết định cho vay mang tính khách quan hơn, kết quả thẩm định khách quan và chính xác hơn, quá trình xử lý nợ cũng nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả hơn.

– Quy định mức mua bảo hiểm đối với khách hàng, thủ tục giải quyết bảo hiểm khi xảy ra rủi ro nhanh chóng, thuận tiện hơn cho khách hàng.

KẾT LUẬN

Nội dung đề tài tập trung vào việc phân tích thực trạng tình hình kiểm soát RRTD, trong đó nhấn mạnh đến cho vay đối tượng là HSX NN Agribank Krông Năng để tìm ra các ưu điểm, nhược điểm và những khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện, từ đó đưa ra hướng hoàn thiện góp phần nâng cao chất lượng kiểm soát RRTD của Chi nhánh. Nội dung đề xuất các giải pháp hoàn thiện đặc biệt chú trọng vào những nội dung trong phạm vi mà tại chi nhánh có thể thực hiện được, ngoài ra còn có một số đề xuất đối với Agribank Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ.

Những kết quả nghiên cứu luận của văn hy vọng sẽ góp một phần nhỏ trong việc nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát RRTD trong cho vay HSX NN tại Chi nhánh, tạo môi trường tín dụng an toàn và hiệu quả để Chi nhánh đạt được mục tiêu kinh doanh cao nhất, đủ sức cạnh tranh với các NHTM trong và ngoài nước.